

Số: 1637 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 16 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 42 lô đất ở tại Khu tái định cư phục vụ tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh thuộc phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn (đợt 7, năm 2023)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 100 lô đất ở còn lại tại Khu tái định cư phục vụ tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh thuộc phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn (đợt 1, năm 2022);

Căn cứ Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 42 lô đất ở tại Khu tái định cư phục vụ tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh thuộc phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn (đợt 7, năm 2023);

Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 42 lô đất ở tại Khu tái định cư phục vụ tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh thuộc phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn (đợt 7, năm 2023);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 214/TTr-STC ngày 12/5/2023 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh ngày 05/5/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 42 lô đất ở tại Khu tái định cư phục vụ tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh thuộc phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn (đợt 7, năm 2023); chi tiết như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với 42 lô đất ở nêu trên theo

đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TP, XD;
- UBND TX Hoài Nhơn;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

**ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA 42 LÔ ĐẤT Ở TẠI KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN TUYỂN ĐƯỜNG VEN
BIỂN (ĐT.639) ĐOẠN TỪ CẦU LẠI GIANG ĐẾN CẦU THIÊN CHÁNH THUỘC PHƯỜNG HOÀI HƯỜNG,
THỊ XÃ HOÀI NHƠN (ĐỢT 7, NĂM 2023)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Ghi chú
I	KHU OLK5	10	1.178,00					
1	OLK5-1	1	110,00	Đường ĐS3 Đường nội bộ	14 5	12.650.000	11.385.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,1)
2	OLK5-2	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
3	OLK5-3	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
4	OLK5-4	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
5	OLK5-5	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
6	OLK5-6	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
7	OLK5-7	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
8	OLK5-8	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
9	OLK5-9	1	106,50	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
10	OLK5-10	1	191,50	Đường ĐS3 Đường ĐS4	14 13,5	13.800.000	12.420.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
II	KHU OLK6	24	2.755,50					
1	OLK6-1	1	202,50	Đường ĐS3 Đường ĐS1	14 14	18.000.000	16.200.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	OLK6-2	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
3	OLK6-3	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
4	OLK6-4	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
5	OLK6-5	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
6	OLK6-6	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
7	OLK6-7	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
8	OLK6-8	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
9	OLK6-9	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
10	OLK6-10	1	110,00	Đường ĐS3	1 14	11.500.000	10.350.000	

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Ghi chú
11	OLK6-11	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
12	OLK6-12	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
13	OLK6-13	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
14	OLK6-14	1	110,00	Đường ĐS3 Đường nội bộ	14 5	12.650.000	11.385.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,1)
15	OLK6-15	1	110,00	Đường ĐS2 Đường nội bộ	14 5	14.300.000	12.870.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,1)
16	OLK6-16	1	110,00	Đường ĐS2	14	13.000.000	11.700.000	
17	OLK6-17	1	110,00	Đường ĐS2	14	13.000.000	11.700.000	
18	OLK6-18	1	110,00	Đường ĐS2	14	13.000.000	11.700.000	
19	OLK6-19	1	110,00	Đường ĐS2	14	13.000.000	11.700.000	
20	OLK6-20	1	110,00	Đường ĐS2	14	13.000.000	11.700.000	
21	OLK6-21	1	110,00	Đường ĐS2	14	13.000.000	11.700.000	
22	OLK6-24	1	110,00	Đường ĐS2	14	13.000.000	11.700.000	
23	OLK6-25	1	104,00	Đường ĐS2	14	13.000.000	11.700.000	
24	OLK6-26	1	139,00	Đường ĐS1	14	18.000.000	16.200.000	Đã nhân hệ số 1,2 vì nằm ở vị trí thuận lợi
III	KHU OLK7	8	1.112,00					
1	OLK7-10	1	267,50	Đường ĐS4	13,5	12.000.000	10.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	OLK7-11	1	184,50	Đường ĐS4 Đường ĐS3	13,5 14	13.800.000	12.420.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
3	OLK7-12	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
4	OLK7-13	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
5	OLK7-14	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
6	OLK7-15	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
7	OLK7-16	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
8	OLK7-22	1	110,00	Đường ĐS3	14	11.500.000	10.350.000	
	Tổng cộng	42	5.045,50					